

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 11/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 13

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Mời xem kinh văn tiếp theo.

A-nan nên biết: trí chánh giác của Như Lai rất khó suy lường, không gì chướng ngại được. Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn không có tăng giảm. Vì sao vậy? Định tuệ của Như Lai thông suốt rốt ráo không cùng tận, đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp. A-nan hãy lắng nghe, khéo nghĩ nhớ đó, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải rõ.

“A-nan nên biết: trí chánh giác của Như Lai rất khó suy lường, không gì chướng ngại được.”

Phật bảo A-nan: Ông phải biết, trí tuệ chánh giác của Như Lai khó thể suy lường, thông đạt tất cả, không gì chướng ngại được.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Chánh giác của Như Lai là nêu chung về Phật trí.” Trí ấy tuyệt diệu, phàm tình chẳng thể suy đoán đo lường được. Thích-ca Mâu-ni Phật mà mọi người thấy trong pháp hội này là ứng hóa thân của Phật, với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

Trong sách Chân Giải nói: Ứng thân Phật chính là pháp thân Phật. Bởi vì Phật từ pháp thân mà lưu xuất ra báo thân, từ báo thân mà lưu xuất ra hóa thân, nguồn gốc của nó chính là pháp thân. Trí tuệ của Phật và pháp thân là một thể. Cho nên, Thích-ca Mâu-ni đang thuyết pháp chính là pháp thân Phật Tỳ-lô-già-na, cùng một pháp thân với Di-đà; cũng như đức Di-đà, thường trụ trong niệm Phật tam-muội. Từ niệm Phật tam-muội có thể phát ra trí tuệ cực thù thắng vi diệu, cho nên nói “rất khó suy lường”. Bởi vì trí chân thật thù thắng vi diệu ấy soi thấu chân như, tận cùng pháp giới, nên có thể thông đạt hết thấy pháp, không bị ngăn ngại.

Tổ sư Ấn Quang nói: “Trí tuệ của Như Lai tự tại vô ngại, tùy theo căn cơ của người nghe mà nói rộng hay lược cho phù hợp. Nói rộng thì dầu cạn hết mực trong biển cũng chẳng thể viết trọn, nói lược thì dù một chữ cũng tìm không ra, khiến từng người nghe đều được lợi ích chân thật.”

“Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn không có tăng giảm.”

“Một niệm” chính là một sát-na, là một phần sáu mươi của một cái búng tay. Trong chút thời gian ấy mà có thể trụ vô lượng ức kiếp. Thế nên, kinh này là Hoa Nghiêm trung bản, có thể đột phá thời gian, hiển thị ra “mười huyền môn” của Hoa Nghiêm. “Kiếp” là thời gian dài bao lâu? Ví như một tảng đá lớn có cạnh dài 40 dặm, cứ vài trăm năm thì thiên nhân xuống đó một lần, dùng lụa mỏng trên thân phủ nhẹ lên tảng đá một cái, đợi đến khi tảng đá ấy bị mài mòn hoàn toàn thì chính là một kiếp.

“Vô lượng ức kiếp” mà hiện tại nói là khoảng thời gian cực kỳ dài. Thích-ca Mâu-ni Phật trong một sát-na có thể trụ trong một kiếp dài như vậy, hơn nữa căn thân, căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi đều không tăng giảm, không biến đổi. Trong một niệm có thể trụ vô lượng ức kiếp, trụ vô lượng ức kiếp cũng chỉ trong một niệm. Đây chính là “các pháp khác biệt trong mười đời thành tựu cùng một lúc” của mười huyền môn trong kinh Hoa Nghiêm.

Trong bản dịch kinh Hoa Nghiêm đời Tấn nói: Biết vô lượng kiếp là một niệm, biết một niệm tức là vô lượng kiếp. Kéo dài hay rút ngắn là đồng thời, phá vỡ khái niệm về thời gian của thế gian. Vật lý học cận đại cho rằng không gian, thời gian và vật chất đều là cảm nhận sai lầm của con người, cũng đã đột phá khái niệm cũ về thời gian. Một niệm và vô lượng kiếp là bình đẳng, cho nên vượt ngoài tư duy, đo lường.

Ví như giấc mộng kê vàng, người ở trong mộng đồ cử nhân, về sau làm tể tướng, sau cùng bị người ta giết. Người ấy ở trong mộng đã trải qua một đời đăng đẳng. Tỉnh mộng rồi mới phát hiện kê nấu trong nồi chỉ vừa mới chín, chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn. Thực ra hiện nay mọi người đều đang ở trong mộng! Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng.” Chúng ta vẫn chưa tỉnh mộng, nếu tỉnh ra được thì tốt biết bao.

“Vì sao vậy? Định tuệ của Như Lai thông suốt rốt ráo không cùng tận.”

“Định tuệ”, định là chỉ thiền định, tuệ là chỉ trí tuệ. “Rốt ráo” nghĩa là cùng tột. “Thông suốt” nghĩa là thông đạt thấu suốt. “Không cùng tận” nghĩa là không

có giới hạn, không có tận cùng. Ở đây chỉ nêu định và tuệ, vì trong muôn hạnh của lục độ, hai hạnh này là thù thắng tôn quý nhất, như hai bánh của xe, như đôi cánh của chim. Đại sư Vĩnh Minh nói: Định là tướng soái, tuệ là người trợ giúp, có thể phò tá tâm vương thành tựu vô thượng, luôn làm lối vào để chúng sanh chứng đạo, chính là chuẩn mực bồ-đề của cổ Phật. “Phò tá” nghĩa là trợ giúp. Lại nói: “Công phu định tuệ chẳng tạm quên, một niệm liền quay về chân giác.”

Tổ sư Ấn Quang nói: “Như Lai xuất hiện ở đời vì một đại sự nhân duyên, duy chỉ pháp môn Tịnh độ mới có thể rốt ráo thỏa mãn bản hoài của Phật.”

“Đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp.”

Định tuệ của Như Lai thông suốt rốt ráo, không gì hơn được, chỉ vì ngài đã “đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp”. Là khỏi sự trói buộc của phiền não, thông đạt các pháp, không có chướng ngại, gọi là “tự tại”.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: tự tại có mười hàm nghĩa:

1. Mạng tự tại: có thể sống lâu ở đời, không bị chướng ngại.
2. Tâm tự tại: có trí tuệ, có thể điều phục tự tâm, vào các loại tam-muội mà không bị chướng ngại.
3. Vật dụng tự tại: có thể hiện ra vô lượng trân bảo để trang nghiêm thế giới.
4. Nghiệp tự tại: Bồ-tát có thể tùy theo các loại nghiệp mà thị hiện thọ nhận các loại quả báo.
5. Thọ sanh tự tại: tùy theo tâm niệm mà thị hiện thọ sanh.
6. Giải tự tại: thành tựu thắng giải, có thể thị hiện các loại thân tướng, diễn nói diệu pháp.
7. Nguyên tự tại: theo nguyện mà thị hiện thành Phật ở hết thủy cỗi nước.
8. Thần lực tự tại: uy lực thần thông rộng lớn khó lường, có thể thị hiện các loại biến hóa.
9. Pháp tự tại: ở trong các pháp, diễn nói vô biên pháp môn.
10. Trí tự tại: đầy đủ trí tuệ, có thể trong một niệm hiển bày mười lực vô úy của Như Lai, thành Đẳng chánh giác.

Trong mười loại tự tại trên, trí tự tại là căn bản, là rốt ráo. Mười loại tự tại này đều được nhiếp trọn trong trí tự tại. Như kinh Pháp Hoa nói: “Ta là pháp

vương, tự tại với hết thấy pháp.” Đây là sự tự tại thù thắng nhất. Do sự tự tại tối thắng này, nên định tuệ của Như Lai thông suốt không cùng tận, ở trong hết thấy pháp đều đạt được tự tại tối thắng.

Tổ sư Ấn Quang có một đoạn giáo huấn như sau:

“Vãng sanh Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, ngộ vô sanh nhẫn, thì ba đức bí tạng là pháp thân, bát-nhã, giải thoát sẽ từ phần chứng mà đạt đến viên chứng rốt ráo. Ba đức này, dọc thì suốt ba đời, ngang thì khắp mười phương, xưa nay vẫn vậy, không dời không đổi, nơi phàm không giảm, nơi thánh không tăng, chỉ vì mê mà chưa ngộ, nên không thể thọ dụng. Đức pháp thân, tức bản tánh không sanh không diệt của chúng ta. Đức bát-nhã, tức chánh trí lìa niệm mà thường biết của chúng ta. Đức giải thoát, tức tịnh hạnh thanh tịnh không tì vết của chúng ta. Ba đức này đều chẳng lìa nhau, song luận theo nghĩa thì phân làm ba. Thật ra một cái còn chẳng lập, huống gì là ba.”

“A-nan hãy lắng nghe, khéo nghĩ nhớ đó, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải rõ.”

Phật nói: “A-nan, ông hãy nghe cho kỹ. “Khéo nghĩ nhớ đó”, ông phải thâm nhập, khéo tư duy nhớ lấy. “Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải rõ”, Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông.

Phẩm kinh này là phân biệt tự của toàn kinh, còn gọi là “phát khởi tự”, dẫn vào chánh văn của kinh này. Phần tự chủ yếu là để chứng tín, sáu loại thành tự trong hai phẩm đầu chính là chứng tín.

Trong phần phát khởi tự lại có năm điều chứng tín:

1. Phật phóng quang hiện tướng lành, trước giờ chưa từng có.
2. A-nan biết ắt là vì chư Phật niệm nhau.
3. Phật tán thán rằng: Tất cả hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của A-nan mà được độ thoát.
4. Phật bảo A-nan: Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời là để ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, lợi ích chân thật chính là biển nguyện Di-đà, danh hiệu Di-đà, niệm Phật vãng sanh được nói sau đó.
5. Tuyên nói về định tuệ thông suốt rốt ráo không cùng tận của Phật, một sát-na bằng với vô lượng kiếp, đối với tất cả pháp được tự tại tối thắng.

Bên trên là năm điều chứng tín, bởi vì diệu pháp Tịnh tông cùng thánh trí của Như Lai, ngay cả Bồ-tát Đẳng giác cũng không thể biết được, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu suốt. Công đức chân thật của biển nguyện Nhất thừa, của sáu chữ hồng danh, phàm phu chẳng thể mộng thấy được. Do đó, Phật chỉ có thể tuyên nói về diệu dụng định tuệ không thể nghĩ bàn của chính mình, hòng khuyên những người học Phật đời sau: Đối với pháp môn “tín, nguyện, trì danh” vì diệu mà Phật đã nói, tuy chẳng thể lý giải, nhưng hãy nên ngưỡng tin, hoan hỷ tôn trọng, y giáo phụng hành. Tu tập lâu dần thì sẽ ngày một sáng tỏ.

Đoạn bên trên vô cùng quan trọng, nên tôi xin nhắc lại lần nữa:

Bên trên là năm điều chứng tín, bởi vì diệu pháp Tịnh tông cùng thánh trí của Như Lai, ngay cả Bồ-tát Đẳng giác cũng không thể biết được, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu suốt. Công đức chân thật của biển nguyện Nhất thừa, của sáu chữ hồng danh, phàm phu chẳng thể mộng thấy được. Do đó, Phật chỉ có thể tuyên nói về diệu dụng định tuệ không thể nghĩ bàn của chính mình, hòng khuyên những người học Phật đời sau: đối với pháp môn “tín, nguyện, trì danh” vì diệu mà Phật đã nói, tuy chẳng thể lý giải, nhưng hãy nên ngưỡng tin, hoan hỷ tôn trọng, y giáo phụng hành. Tu tập lâu dần thì sẽ ngày một sáng tỏ.

Trong phần tự đã giới thiệu về bến bờ chân thật và lợi ích chân thật, điều này hoàn toàn tương hợp với lời của đại sư Liên Trì trong Di-đà Sớ Sao:

1. “Linh minh thấu triệt, lặng lẽ thường hằng, chẳng đục chẳng trong, không trái không thuận; lớn thay chân thể, chẳng thể được, chẳng thể nghĩ bàn, há chẳng phải là tự tánh sao?” Khai hóa hiển thị bến bờ chân thật, chỗ chân thật tốt cùng ấy chính là tự tánh. Đây chính là “bến bờ chân thật” mà kinh này nói đến.

2. Tự tánh vốn không đục không trong, không trái không thuận; nhưng chúng sanh thì đã vẩn đục, đã trái nghịch rồi, trái với giác, hợp theo trần. Do vậy, cần phải lắng đục để thành trong, khiến thứ vẩn đục được lắng trong.

Phải chuyển nghịch thành thuận, khiến trái với giác trở thành hướng về giác. “Vượt ba a-tăng-kỳ trong một niệm”, một niệm có thể vượt qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Một câu danh hiệu có thể thành tựu quả giác vô thượng. Nếu bạn thích Thỉ giáo, tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, thì có thể từ từ mà tu. Nhưng Viên giáo thì chỉ một niệm cũng có thể thành Phật. Do vậy, giáo pháp viên đốn không giống với Chung giáo, lại còn có thể “ngang hàng với chư thánh

trong một câu”. Chỉ niệm một câu “Nam-mô A-di-đà Phật” liền bình đẳng với các thánh nhân như các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, v.v..

“Diệu dụng lớn lao, chẳng thể được, chẳng thể nghĩ bàn, há chẳng phải là kinh Phật Thuyết A-di-đà sao?” Cũng chính là nói, diệu dụng ấy chính là trì danh niệm Phật. Công hiệu của một niệm trong sát-na có thể sánh với sự tu hành trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Một câu danh hiệu, ngay đó liền ngang với địa vị của các đại Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí. Diệu dụng lớn lao không thể nghĩ bàn chính là lợi ích chân thật mà chúng sanh đạt được. Hai kinh cùng một tông chỉ. Diệu pháp này thu nhiếp cả ba bậc, có thể khiến hạng phàm phu hạ liệt phút chốc thành Bồ-tát Bồ xứ, sau khi vãng sanh sẽ không còn thoái chuyển. Diệu dụng như thế, trong một niệm đã vượt ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Nếu bạn niệm một câu Phật hiệu không có ô nhiễm xen tạp thì bạn liền bình đẳng với các thánh. Đây chính là lợi ích chân thật mà chư Phật xuất thế ban cho chúng sanh. Chúng ta may mắn được nghe, đây quả là một ngày hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp vậy!

Tiếp theo tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ ba: Đại giáo duyên khởi:

Cảm ngộ thứ nhất: tôn giả A-nan quá vĩ đại.

Đại ân đại đức của ngài đối với chúng sanh cao không thể đo, sâu không thể lường, dù bạn suy nghĩ thế nào cũng không thể nghĩ ra; dù bạn có nói thế nào cũng không hề quá đáng; dù ngôn từ của bạn phong phú đến đâu, khi nói đến công đức thỉnh pháp của ngài A-nan, bạn sẽ cảm thấy cạn hết vốn từ.

Nghe đến đây, có người sẽ nói: “Cô Lưu ơi, có phải cô nói hơi quá không? Ngài A-nan chẳng qua chỉ hỏi Phật một câu, rồi Phật trả lời cho ngài, có gì ghê gớm đâu? Biết đâu hồi đó tôi có mặt, tôi cũng hỏi như vậy?”

Nghe đến đây, bạn đã hiểu ra chưa? Lời này chỉ có người thời nay mới dám thốt ra, người xưa bất luận thế nào cũng không nói ra lời như vậy. Vì sao vậy? Vì người xưa không ngông cuồng như thế. Vì sao pháp môn niệm Phật của Tịnh độ là pháp môn “vạn người tu, vạn người đi”, thế mà tổ sư đại đức lại nói với chúng ta: Trong vạn người tu, chỉ một hai người được vãng sanh? Lý do là không có tâm thành kính.

Bạn nói: “Chẳng phải là chỉ hỏi Phật một câu thôi sao?” Đúng vậy, chỉ hỏi một câu, nhưng bạn có biết câu hỏi đó nặng bao nhiêu không? Đây không phải là nêu câu hỏi thông thường, mà đây là ngài A-nan thay chúng sanh hướng về Phật

thỉnh pháp. Hãy chú ý, là thỉnh pháp! Thỉnh pháp và nêu câu hỏi, làm sao có thể so sánh ngang nhau được chứ?

Nói A-nan thỉnh pháp có công đức lớn, chẳng phải bạn nói lớn thì là lớn, cũng chẳng phải tôi nói lớn thì là lớn, chúng ta phải căn cứ theo kinh điển mà nói. Công đức thỉnh pháp của ngài A-nan rốt cuộc bao lớn? Kinh Vô Lượng Thọ đã nói như sau:

“Lời hỏi của ông hôm nay có công đức vượt hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ”, cũng vượt hơn “lũy kiếp bố thí cho chư thiên, nhân dân và các loài côn trùng bay bò trăm ngàn vạn lần”.

“Chư thiên, nhân dân và hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ lời hỏi của ông mà được độ thoát.”

Ba câu nói trên có thể chứng tỏ công đức thỉnh pháp của ngài A-nan là lớn chẳng?

A-nan thỉnh pháp, Thế Tôn hoan hỷ, liên tiếp tán thán: “Lành thay, lành thay! Ông hỏi hay quá, ông hỏi hay quá!” Vì sao Phật hoan hỷ? Vì Phật biết rằng, chỉ có người có tâm vĩ đại như A-nan mới có thể hỏi ra câu hỏi thù thắng vi diệu như vậy. Phật sở dĩ hoan hỷ là vì câu hỏi của ngài A-nan hợp căn cơ, đúng pháp, hợp thời. Căn cơ, giáo pháp, thời điểm đều thích hợp, cho nên Thế Tôn hoan hỷ.

Sách Chân Giải nói: “Vì điều được hỏi hợp với tâm Phật.” Chính là nói, điều mà A-nan hỏi hợp với tâm Phật, đúng với tâm ý của Phật, lại còn khế hợp thời cơ, nên Phật tán thán A-nan có thể hỏi ra nghĩa thù thắng vi diệu như vậy.

Hai từ “vi diệu”, “pháp thể sâu kín huyền diệu” thì gọi là “vi”, không phải là “vi” trong “vi tiểu”, mà là “vi” trong “tinh vi”. Tuyệt chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là “diệu”, không thể nghĩ bàn thì gọi là “diệu”. Đại sư Trí Giả giảng đề kinh của kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã giảng một chữ “diệu” trong 90 ngày, gọi là “chín tuần bàn về diệu”. Tức là 90 ngày cũng không nói rõ hết được chữ “diệu”. Vì tuyệt đối chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là “diệu”, cho nên Phật pháp thậm thâm, thậm thâm! Xin chú ý hai từ “thậm thâm”, đằng sau còn có dấu chấm than! Thật không phải là độ sâu thông thường, “không thể dùng lời lẽ và tâm phân biệt mà có thể hiểu được”. Điều mà ngài A-nan hỏi chính là một vấn đề có nghĩa lý thâm diệu, vượt ngoài tình kiến, tâm hạnh của chúng sanh chẳng thể đạt đến, lời nói văn tự chẳng thể diễn bày.

Cho nên trong kinh nói, chỉ có hai hạng người có thể báo được ân của Phật, một là người “khéo hỏi”, hai là người “khéo đáp”. Do vậy việc nêu câu hỏi rất quan trọng! Và lại, khéo hỏi ra được vấn đề hay, người như vậy có thể báo đáp ân Phật. Bởi vì bạn khéo hỏi, khi hỏi đúng người thì sẽ có sự khéo đáp, bánh xe pháp liền chuyển động! Đây là lời Hoàng Niệm lão nói với chúng ta.

Này các đồng tu, chúng ta hãy khởi lên tâm cảm ân vô hạn, cảm niệm đại ân đại đức của tôn giả A-nan đã thỉnh pháp. Nếu không có bộ kinh Vô Lượng Thọ này thì chúng sanh khổ nạn trong chín ngàn năm mạt pháp biết nương vào đâu để được độ thoát?

Cảm ngộ thứ hai: Vô lượng vô biên tôn giả A-nan không đến cũng không đi.

Vô số ngài A-nan đang hiện diện giữa chúng ta. Tôi là A-nan, họ là A-nan, bạn cũng là A-nan. Việc hoằng truyền đại pháp của đức Thích-ca, cần phải do chúng ta cùng nhau gánh vác. Hãy hỏi chính mình: Bạn có dũng khí để gánh vác không? Xin nói đôi chút về kinh nghiệm và cảm ngộ của tôi:

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tôi đến núi Lão Nhạc, chính là đạo tràng nhỏ mà tôi hiện nay cư trú. Vào khoảng cuối năm ấy, một buổi trưa trước khi dùng cơm, tôi ở trong trạng thái nằm mộng mà chẳng phải mộng, có người nói với tôi, có ba điều muốn tôi ghi nhớ: Điều thứ nhất: “Cô nên giảng kinh Vô Lượng Thọ.” Lúc ấy tôi đáp: “Tôi không có bản lĩnh đó.”

Điều thứ hai: “Cô phải giảng kinh Vô Lượng Thọ bằng phương thức phúc giảng.” Điều thứ ba chưa kịp nói ra thì cư sĩ Điều gọi tôi ăn cơm, nên đến bây giờ tôi cũng không biết điều thứ ba là gì. Tôi đem chuyện này kể cho Bồ-đề Tâm nghe, lúc đó pháp sư Giác Đạo cũng có mặt. Sau khi nghe xong, hai người họ vui mừng nói: “Cô giáo, cô nên giảng kinh Vô Lượng Thọ đi. Cô xem, Phật Bồ-tát đã điểm hóa rồi đó.” Tôi đáp lại họ: “Tôi không có bản lĩnh ấy.” Hai người họ bảo tôi đi hỏi A-di-đà Phật và Bồ-tát Quán Thế Âm. Tôi thật sự đã đi hỏi, các ngài cho tôi mấy chữ: “*Không phải con thì là ai!*” Tôi nghĩ, việc cần hỏi thì đã hỏi rồi, cũng đã có đáp án, tôi không có lý do gì để thoái thác nữa. Tôi nơm nớp lo âu bước lên bục giảng, tôi không dám gánh vác, sợ giảng sai khiến chúng sanh lầm lạc, cho nên tôi là bị động mà bước lên giảng đài, là Phật Bồ-tát “bảo tôi giảng”, chứ không phải “tôi muốn giảng”.

Sau khi bước lên bục giảng, tôi bất chợt phát hiện ra điều quá đổi thần kỳ, có những lời là tự nó tuôn ra. Lúc đó, tôi nhớ đến hai chuyện:

Chuyện thứ nhất: Năm 2010, lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông, hiệp hội sắp xếp cho tôi giảng bài, tôi không có đề tài, không có đề cương, cũng không có bài giảng. Nhân viên tổ chức hỏi sư phụ phải làm sao? Sư phụ thông thả nói: “Cô ấy là xứng tánh mà nói, ngồi xuống là sẽ nói được.” Tôi không hiểu “xứng tánh mà nói” là gì, nhưng “ngồi xuống là sẽ nói được” thì tôi hiểu. Bài giảng 14 tiếng đó của tôi đã diễn ra đúng như thế. Đó là năng lực của tôi chăng? Không phải. Tất cả đều do Phật lực gia trì. Tôi đã đích thân trải nghiệm, mới thật sự hiểu được hàm nghĩa đích thực của câu nói “Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn”.

Chuyện thứ hai: Năm ngày trước khi chị tôi vãng sanh, chị giảng Phật pháp thao thao bất tuyệt, không mệt không chán, lời lẽ tuyệt diệu liên tiếp như hạt châu. Tôi sững sốt, chị tôi là người ăn nói vụng về, những lời này chị đã học từ ai? Tôi hỏi chị, chị bảo tôi: “Không cần học, đến lúc nên nói thì tự nhiên sẽ nói được, là nó tự tuôn ra, không nói không được.”

Sở dĩ tôi kể những điều này là nói với mọi người rằng: Đệ tử Phật cần phải dừng cảm gánh vác, không cần lo lắng năng lực của mình có đủ hay không, năng lực lớn hay nhỏ không quan trọng, quan trọng là phát tâm lớn hay nhỏ. Hễ bạn phát tâm, Phật lực liền gia trì, phát tâm càng lớn thì Phật lực gia trì càng lớn. Cư sĩ hộ pháp của tôi - Bồ-đề Tâm - chính là một bằng chứng xác thực. Cô ấy có nguyện lực lớn, phát tâm lớn, tâm lượng lớn, khí phách lớn, nên Phật lực gia trì cho cô cũng rất lớn. Hiện nay trách nhiệm trên vai cô ấy rất nặng, người thông thường khó mà gánh nổi, vậy mà cô không chỉ gánh được, mà còn gánh khá nhẹ nhàng. Vì sao vậy? Là do Phật lực gia trì. Cô ấy đã khai trí tuệ. Có trí tuệ thì sẽ có phương pháp giải quyết vấn đề.

Chúng sanh thời mạt pháp quá khổ, ngụp lặn trong biển khổ, lúc nổi lúc chìm mà không tự biết, tuy giác và mê chỉ cách nhau trong một niệm, song chúng sanh đã mê quá sâu, cương cường khó giáo hóa, mê mà chẳng giác. Ai đến cứu độ chúng sanh khổ nạn? Chỉ có Bồ-tát phát đại tâm mới có thể cứu độ, bạn đã phát tâm chưa?

Cảm ngộ thứ ba: Chân truyền của Thế Tôn trong một đời giáo hóa là gì?

Đối với câu hỏi này, có người trả lời được, có người không trả lời được. Người không trả lời được không thể được chân truyền, vì sao vậy? Bởi vì họ không nhận ra, nên sẽ bỏ lỡ ngay trước mắt. Người trả lời được cũng chưa chắc

được chân truyền, vì sao vậy? Bởi vì họ không biết giá trị món đồ, họ không thừa nhận.

Vậy chân truyền của Thế Tôn trong một đời giáo hóa là gì? Tổ sư đại đức đã nói rõ ràng sáng tỏ cho chúng ta từ lâu, tiếc rằng chúng ta nhìn mà không thấy, nghe mà không tỏ, bỏ mà không dùng.

Đại sư Thiện Đạo nói: “Phật Thích-ca sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói biến bốn nguyện của Di-đà.”

Đại sư Ngẫu Ích nói: Một câu Phật hiệu là pháp A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề mà Thế Tôn đã chứng được. Chỉ có thật thà niệm Phật mới là chân truyền của một đời giáo hóa.

Xin chú ý câu sau cùng: “Chỉ có thật thà niệm Phật mới là chân truyền của một đời giáo hóa.” Ở đây có hai từ trọng điểm: một là “chỉ có”, hai là “mới là”. Ý nghĩa này vẫn chưa biểu đạt rõ ràng hay sao? Chỉ có điều này, không có điều thứ hai.

Nhìn vào hiện thực trước mắt chúng ta, có bao nhiêu người là người niệm Phật? Lại có bao nhiêu người niệm Phật đang thật thà niệm Phật? Vì sao người niệm Phật nhiều, mà người thành tựu ít? Chẳng phải vì không thật thà đó sao? Phàm người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì không ai không thành tựu.

Ba điều then chốt trong Tịnh ngữ của Hạ Liên lão có hai câu như sau: “Đàm huyền thuyết diệu chẳng ăn thua, ba chữ chân truyền ‘thật thà niệm’”. Về hai câu này, lời giải thích của Hoàng Niệm lão có thể nói là câu từ sắc bén, một lời thốt ra trúng ngay trọng tâm. Đại sư đúng là đại sư, là nhân vật bậc thầy danh xưng với thực, nếu không phải là Phật Bồ-tát tái lai thì ai có thể nói ra được lời chân thật như thế?

Hoàng Niệm lão nói: “Miệng bàn huyền mà tâm còn chưa ngộ; lời cao siêu mà hạnh lại thấp hèn, dù lời tuôn như nước chảy, trước tác lưu truyền hậu thế, đâu được vinh danh rạng rỡ là ‘đại sư Phật học’, song với người với mình, phỏng có lợi ích thật sự hay không? Đối với việc lớn sanh tử chẳng liên quan chút nào. Biết nhiều chừng nào, lý chướng càng sâu chừng đó. Việc này còn khó trừ hơn phiền não chướng ngại. Rốt cuộc chỉ là mua dây buộc mình, muốn bay lên mà lại rớt xuống. Người chân thật thực hành, ắt chẳng chịu làm trò rỗng tuếch như thế, mà phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng, nghiêm cẩn tuân theo lời dạy từ bi của Thế Tôn. Trong biến nguyện Di-đà, chỉ chuyên tu niệm Phật; trong diệu pháp niệm Phật, chỉ tu trì danh niệm Phật; trong trì danh niệm Phật, chỉ có thật thà niệm một

câu danh hiệu: không cầu nhất tâm, không trừ vọng tưởng, không ham cảnh tịnh, không hỏi “[người niệm Phật] là ai?” (Bốn điều trên gọi là “bí quyết niệm Phật”) Chỉ một câu “Nam-mô A-di-đà Phật”, câu này nối tiếp câu kia, đây chính là vô thượng thâm diệu thiên. Đây mới là chân truyền của Thích-ca Mâu-ni Phật!

Đoạn này quá quan trọng, xin nhắc lại một lần nữa!

Hoàng Niệm lão nói: “Miệng bàn huyền mà tâm còn chưa ngộ; lời ca siêu mà hạnh lại thấp hèn, dù lời tuôn như nước chảy, trước tác lưu truyền hậu thế, đâu được vinh danh rạng rỡ là ‘đại sư Phật học’, song với người với mình, phỏng có lợi ích thật sự hay không? Đối với việc lớn sanh tử chẳng liên quan chút nào. Biết nhiều chừng nào, lý chướng càng sâu chừng đó. Việc này còn khó trừ hơn phiền não chướng ngại. Rốt cuộc chỉ là mua dây buộc mình, muốn bay lên mà lại rớt xuống. Người chân thật thực hành, ắt chẳng chịu làm trò rỗng tuếch như thế, mà phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng, nghiêm cẩn tuân theo lời dạy từ bi của Thế Tôn. Trong biển nguyện Di-đà, chỉ chuyên tu niệm Phật; trong diệu pháp niệm Phật, chỉ tu trì danh niệm Phật; trong trì danh niệm Phật, chỉ có thật thà niệm một câu danh hiệu: không cầu nhất tâm, không trừ vọng tưởng, không ham cảnh tịnh, không hỏi “[người niệm Phật] là ai?” (Bốn điều trên gọi là “bí quyết niệm Phật”) Chỉ một câu “Nam-mô A-di-đà Phật”, câu này nối tiếp câu kia, đây chính là vô thượng thâm diệu thiên. Đây mới là chân truyền của Thích-ca Mâu-ni Phật!

Hỡi các đồng tu, các bạn đã nghe hiểu đoạn này của Hoàng Niệm lão chưa? Nếu bạn đã nghe hiểu, bạn có còn hỏi người khác mình nên tu hành như thế nào nữa không?

Cảnh ngộ thứ tư: Pháp môn niệm Phật không phải là pháp cạn, niệm A-di-đà Phật là vô thượng thâm diệu thiên.

Phật nói niệm A-di-đà Phật là vô thượng thâm diệu thiên, thế nhưng rất nhiều người lại trái ngược với Phật, cứ nói niệm Phật là pháp cạn, rốt cuộc cái gì cạn vậy? Không phải pháp môn niệm Phật này là pháp cạn, mà người nói niệm Phật là pháp cạn mới là nông cạn. Chẳng phải có câu “người cạn thì thấy cạn, người sâu thì thấy sâu” đó sao?

Các đồng tu đang tu pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, các bạn có biết không? Các bạn nên khởi tâm hiểm có khó gặp. Các bạn có thể nghe được pháp môn khiến bạn một đời thành Phật, có thể tin pháp môn này, có thể tu học theo pháp môn này, đó là thiện duyên nhiều đời nhiều kiếp của bạn. Chúng ta phải trân quý bội phần, chúng ta phải một hơi làm đến cùng, rèn sắt khi còn nóng. Bất kể

bên ngoài ngọn gió nào thổi lên, cũng đừng chạy theo gió, hãy giữ chặt lấy pháp môn niệm Phật, không dao động. Bất luận có pháp thành Phật siêu tốc nào, bạn cũng phải như như bất động, niệm Phật cho tốt. Bất kể bao nhiêu cao tăng đại đức đến tận cửa tìm bạn, bạn vẫn giữ chắc lấy một vị thầy là tốt. Thời gian qua rồi sẽ không trở lại, tuyệt đối đừng để cơ duyên thành Phật luống qua.

*Người bảo pháp cạn, ta cứ tu
Pháp sâu để dành cho họ ngộ
Đời này thành Phật, đã nắm chắc
Chúc bạn sớm cất bước về nhà
Tây Phương Cực Lạc có phần bạn
Liên Trì hải hội lại tương phùng.*

Cảm ngộ thứ năm: Tu học Phật pháp phải không rời kinh điển, không rời lời dạy của tổ sư.

Sau đây, xin dùng một đoạn khai thị của tổ sư Ấn Quang để làm lời kết cho buổi giảng hôm nay.

Tổ sư Ấn Quang khai thị: “Kinh Pháp Hoa nói: Như Lai vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, hòng muốn chúng sanh khai tri kiến Phật, rõ tri kiến Phật, ngộ tri kiến Phật, vào tri kiến Phật. Pháp môn mà Phật thuyết, mục đích không ngoài việc khiến chúng sanh thành Phật. Nhưng vì căn cơ chúng sanh không đồng: người căn cơ lớn thì tu pháp lớn, đời này thành Phật; người căn cơ nhỏ thì không thể tu pháp lớn. Phật lại lập phương tiện, dạy họ tiệm tu. Trong hiện đời có thể liễu sanh thoát tử, tuy có người như thế, song rất hiếm hoi. Phật đại từ đại bi, ngoài tất cả pháp môn nương vào tự lực ra, lại lập một pháp môn nương vào Phật lực, tức là pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Như vậy, bất luận căn cơ lớn hay nhỏ, đều có thể nương vào Phật lực để liễu sanh thoát tử, đại sự nhân duyên của Phật cũng nhân đây mà viên mãn.”

*Tổ sư Ấn Quang không đơn giản
Ở lâu chứa kinh ba mươi năm
Thâm nhập kinh tạng, được chân đế
Chọn ra pháp môn dăng đại chúng
Chúng sanh mệt pháp nương kinh này
An ổn vững vàng về cố hương
Lời dạy tổ sư, bạn không tin
Biển khổ sáu đường luân hồi tiếp.*

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.